

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 08 - 8 - 2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Nhật Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Trường.

Ông Lưu Đức Chung.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài Diễm – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*  
Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số C, Tổ H, Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H tự nguyện chung sống, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 18/11/2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng khoảng năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh H hay rượu chè, về nhà vợ chồng gây lộn, cãi nhau. Vợ chồng còn ở chung nhà nhưng việc ai

người đó làm, không quan tâm chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung tên là Lê Hậu G, sinh ngày 10/02/2005 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết); Lê Thanh T1, sinh ngày 30/3/2008 và Lê Trường T2, sinh ngày 20/12/2015. Ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt và không có ý kiến cung cấp cho Tòa án.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị T. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 30/3/2008 và Lê Trường T2, sinh ngày 20/12/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Trần Th Thu T3 và anh Lê Văn H là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Lê Văn H cư trú tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 18/11/2003 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt cho thấy anh H đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị T. Từ đó nhận thấy, hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung tên là Lê Hậu G, sinh ngày 10/02/2005 (đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết); Lê Thanh T1, sinh ngày 30/3/2008 và Lê Trường T2, sinh ngày 20/12/2015. Cháu T1 và cháu T2 hiện đang sinh sống cùng chị T và anh H. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung; Cháu T1 và cháu T2 cũng có nguyện vọng được ở với chị T, anh H không có ý kiến tranh chấp gì về quyền nuôi con. Do đó, giao 02 con chung là cháu Lê Thanh T1 và cháu Lê Trường T2 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: Chị T khai để các đương sự tự thỏa thuận, anh H không có ý kiến nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị T khai không có, anh H không có ý kiến nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T. Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Cháu Lê Hậu G, sinh ngày 10/02/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao 02 con chung là cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 30/3/2008 và Lê Trường T2, sinh ngày 20/12/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009440 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp xong.

Chị Trần Thị Thu T và anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Nhật Lệ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN  
PHÁN**

**PHIÊN TÒA**

**THẨM**

**CHỦ**

**TỌA**